

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I- KHỐI 9
NĂM HỌC 2021- 2022

MÔN NGỮ VĂN

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. PHẦN VĂN HỌC

1. VĂN BẢN NHẬT DỤNG:

1.1 Nội dung: Tìm hiểu về tác giả; tác phẩm (*Xuất xứ, nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa*) của các văn bản sau:

- a. *Phong cách Hồ Chí Minh* (Lê Anh Trà).
b. *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* (G.G. Mác – kết)
1.2. Yêu cầu: Lập bảng tổng hợp. Ghi nhớ kiến thức,...

TT	Tác phẩm, tác giả	Xuất xứ	Nội dung	Nghệ thuật	Ý nghĩa
1					
...					

2. VĂN HỌC TRUNG ĐẠI:

2.1. Nội dung: Tìm hiểu về tác giả; tác phẩm (*Xuất xứ, thể loại, PTBĐ, ngôi kể, ý nghĩa nhan đề, tình huống truyện, tóm tắt truyện, nội dung, nghệ thuật*) của các văn bản sau:

- a. *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ).
b. *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô Gia Văn Phái).
c. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.
- *Chị em Thúy Kiều* (Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du).
- *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du).
d. *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (Trích *Truyện Lục Vân Tiên*)
2.2. Yêu cầu: Lập bảng tổng hợp. Ghi nhớ kiến thức,...

TT	Tác phẩm, tác giả	Xuất xứ	Thể loại	PTBĐ	Ngôi kể	Ý/n nhan đề	Tình huống truyện	Tóm tắt truyện	Nội dung	Nghệ thuật
1										
...										

3. THƠ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI:

3.1. Nội dung: Tìm hiểu về tác giả; tác phẩm (HCST/Xuất xứ, thể loại, PTBĐ, chủ đề, ý nghĩa nhan đề, bố cục, mạch cảm xúc, nội dung, nghệ thuật) của các văn bản sau:

- a. *Đồng chí* (Chính Hữu).
b. *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật).
c. *Đoàn thuyền đánh cá* (Huy Cận).

d. *Bếp lửa* (Bằng Việt).

3.2. Yêu cầu: Lập bảng tổng hợp. Ghi nhớ kiến thức,...

a. Bảng 1:

TT	Tác phẩm, tác giả	HCST /XX	Thể loại	PTBĐ	Chủ đề	Ý/nhan đề	Bố cục	Mạch cảm xúc	Nội dung	Nghệ thuật
1										
...										

b. Bảng 2:

TT	Tác phẩm	Phép tu từ	Từ ngữ thể hiện	Tác dụng
1	<i>Đồng chí</i>	- Điệp ngữ	"Súng, đầu, bên"	...
...				

4. TRUYỆN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI:

4.1. Nội dung: Tìm hiểu về tác giả; tác phẩm (HCST/Xuất xứ, thể loại, PTBĐ, chủ đề, ý nghĩa nhan đề, tình huống truyện, ngôi kể, bố cục, tóm tắt truyện, nội dung, nghệ thuật) của các văn bản sau:

a. *Làng* (Kim Lân)

b. *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long)

c. *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng)

4.2. Yêu cầu: Lập bảng tổng hợp. Ghi nhớ kiến thức,...

TT	Tác phẩm, tác giả	HCST /XX	Thể loại	PTBĐ	Ngôi kể	Chủ đề	Ý/nhan đề	Bố cục	Tình huống truyện	Tóm tắt truyện	Nội dung	Nghệ thuật
1												
...												

II. PHÂN TIẾNG VIỆT

1. Nội dung: Ôn kiến thức các bài

a. Các phương châm hội thoại.

b. Xung hô trong hội thoại.

c. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

d. Sự phát triển của từ vựng.

e. Thuật ngữ.

g. Tổng kết từ vựng:

- Từ đơn và từ phức, thành ngữ, nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa.

- Hiện tượng chuyển nghĩa của từ, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.

- Sự phát triển của từ vựng, từ mượn, từ Hán Việt, thuật và biệt ngữ xã hội, trau dồi vốn từ.

- Từ tượng thanh và tượng hình, một số phép tu từ từ vựng.

2. Yêu cầu: Lập bảng tổng hợp. Ghi nhớ kiến thức,...

TT	Đơn vị kiến thức	Khái niệm	Ví dụ	Đặc điểm
1	Các phương châm hội thoại a. Về lượng: b.... c... d... e...	- Nói không thừa, không thiếu, có nội dung.	-Thì má cứ kêu đi.	- Muốn lặp lại một điều đã nói cần thêm cụm từ: như tôi đã nói, tôi nhắc lại lần nữa...để tránh vi phạm phương châm về lượng.
2	...			

III. PHÂN TẬP LÀM VĂN

1. Văn thuyết minh
2. Văn tự sự
3. Văn nghị luận

B. DẠNG BÀI

I. Câu hỏi theo cấp độ nhận thức:

1. Câu hỏi nhận biết: Thường đưa ra yêu cầu thí sinh chỉ ra được:

- + Hoàn cảnh sáng tác/ xuất xứ văn bản (đoạn trích), tác giả;
- + Các phương thức biểu đạt, thể loại, biện pháp tu từ, phép lập luận, kiểu liên kết hay các lỗi diễn đạt ... trong văn bản.

2. Câu hỏi thông hiểu: Thường yêu cầu thí sinh xác định đồng thời nêu được:

- + Nội dung chính của văn bản hay một câu, một đoạn trong văn bản.
- + Tác dụng của các yếu tố nghệ thuật trong văn bản hay một câu, một đoạn trong văn bản.

3. Câu hỏi vận dụng: Thường yêu cầu nêu tác dụng của các phép tu từ hay việc sử dụng kết hợp các phép tu từ với các phương thức biểu đạt, sử dụng từ ngữ, đại từ xưng hô, ngôi kể, ... trong văn bản. Trong đề kiểm tra, thường là yêu cầu vận dụng để viết đoạn văn (bài văn). Trong đoạn văn có từ một đến hai yêu cầu kiến thức tiếng Việt (về câu, phép liên kết câu,...).

4. Câu hỏi vận dụng cao: Thường là dạng câu hỏi bày tỏ quan điểm thái độ hoặc liên hệ thực tế đời sống (liên hệ hiện tượng nào và đưa ra giải pháp). Trong đề kiểm tra, thường là yêu cầu viết đoạn văn (bài văn) nghị luận xã hội.

C. BÀI TẬP

Câu 1: Cho câu thơ sau: "Cháu ở cùng bà bèo bồng cháu nghe"

- a. Chép chính xác bốn câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ
- b. Nêu hoàn cảnh sáng tác và giải thích nhan đề bài thơ "Bếp lửa"
- c. Các từ "bèo", "dạy", "chăm" là từ loại gì? Việc sử dụng những từ loại này có ý nghĩa như thế nào trong việc biểu đạt nội dung
- d. Cảm nhận về hình ảnh người bà qua khổ thơ vừa chép.

Câu 2: Viết đoạn văn tổng phân hợp khoảng 12 câu phân tích nhân vật anh thanh niên trong truyện "Lặng lẽ Sa Pa" để làm rõ tình yêu nghề, tinh thần trách nhiệm của anh với công việc, trong đoạn văn có sử dụng câu ghép và cụm động từ.

Câu 3: Trong truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa", Nguyễn Thành Long có viết:

"- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hẩn" ...

Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi! Đây là đỉnh Yên Sơn, cao hai nghìn sáu trăm mét. Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu."

- "Tôi" trong đoạn trích trên là ai? Giới thiệu khái quát về nhân vật "tôi".
- Truyện ngắn trên viết về đề tài gì? Kể tên một tác phẩm khác có cùng đề tài và cho biết tên tác giả.
- Tại sao nhân vật "tôi" lại cho rằng anh thanh niên là người cô độc nhất thế gian? Đối với anh, lời nhận xét đó có đúng không? Vì sao?

Câu 4: Bằng hiểu biết của bản thân về thực tế cuộc sống, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ về niềm tự hào dân tộc trong hoàn cảnh đất nước hiện nay.

MÔN TIẾNG ANH

A. Vocabulary: from unit 1 to unit 6

B. Grammar (Unit 1 to Unit 6)

- Tense of verbs: *past simple, present perfect, past progressive, past perfect....* (form, signal words)
- Complex sentences: *Although/ because/ while/ if/ so that....*
- Phrasal verbs: turn down, look for, go on.....
- Comparison of equality with Adj, Adv.
- Comparative with Adj, adv
- Superlative with Adj, Adv
- Reported speech (statement + question)
- Wh-question + to V
- used to + V
- wish for present
- Passive voice (tenses)
- Impersonal passive
- suggest + Ving/ that S + should + V
- Adj + to V/ that + a clause

C. Phonetics: + underlined parts: /-ed/, and other sounds
+ Stress: 2 syllable and 3 syllable words

D. Types of exercise

- Choose the word whose underlined part is pronounced differently
- Choose the word whose stress pattern is different from that of the others.

- Choose the best answer to complete the sentences.
- Choose the word or phrase that needs correcting.
- Rewrite the sentences as directed
- Read a passage then choose the best answer to complete the passage
- Read a passage then choose the best answer for each question

E. Exercises

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.

- | | | | |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
| 1. A. <u>o</u> pened | B. <u>o</u> knocked | C. <u>o</u> played | D. <u>o</u> ccurred |
| 2. A. <u>a</u> packed | B. <u>a</u> dded | C. <u>a</u> worked | D. <u>a</u> pronounced |
| 3. A. <u>a</u> ughed | B. <u>a</u> washed | C. <u>a</u> helped | D. <u>a</u> weighed |
| 4. A. <u>q</u> ualify | B. <u>b</u> aggy | C. <u>g</u> rocery | D. <u>s</u> cenery |
| 5. A. <u>t</u> raditional | B. <u>a</u> uthority | C. <u>h</u> andicraft | D. <u>g</u> randparents |
| 6. A. <u>h</u> andicraft | B. <u>p</u> ublish | C. <u>r</u> emind | D. <u>h</u> istorical |
| 7. A. <u>a</u> dulthood | B. <u>f</u> rustrated | C. <u>d</u> rumhead | D. <u>e</u> ducation |
| 8. A. <u>a</u> rchitect | B. <u>t</u> eacher | C. <u>c</u> hildren | D. <u>c</u> harity |
| 9. A. <u>s</u> pectacular | B. <u>s</u> tructure | C. <u>s</u> culpture | D. <u>p</u> icturesque |
| 10. A. <u>t</u> rench | B. <u>p</u> edestrian | C. <u>e</u> xhibition | D. <u>t</u> unnel |

II. Choose the word whose stress pattern is different from that of the others.

- | | | | |
|--------------------|------------------|-----------------|----------------|
| 1. A. metropolitan | B. multicultural | C. organisation | D. university |
| 2. A. variety | B. environment | C. indicator | D. affordable |
| 3. A. intelligence | B. education | C. development | D. facility |
| 4. A. confident | B. determine | C. convenient | D. frustrated |
| 5. A. embarrassed | B. concentrate | C. cognitive | D. conflict |
| 6. A. workshop | B. preserve | C. picture | D. sculpture |
| 7. A. depend | B. attend | C. lesson | D. enjoy |
| 8. A. lacquerware | B. pottery | C. embroider | D. layer |
| 9. A. dogsled | B. downtown | C. igloo | D. fatal |
| 10. A. valuable | B. memorable | C. historical | D. fascinating |

III. Choose the best answer to complete the following sentences

1. Along with the Ao Dai, the _____ is a cultural symbol of Vietnamese people.
A. drums B. lanterns C. conical hat D. marble
2. Dong Ho _____ are simple, meaningful and created for the mass.
A. paintings B. lanterns C. conical hat D. marble
3. I almost missed my flight _____ there was a long queue in the duty-free shop.
A. although B. since C. despite D. because of
4. I want to be well-groomed _____ other people think nice things about me.
A. in order to B. so as not to C. so that D. as soon as
5. _____ she is young, she is very independent.
A. Although B. Because C. In order that D. In spite of
6. _____ I met the Gills, I had been gardening for nearly ten years.
A. As soon as B. Although C. After D. Before

26. Hey!
A. car
27.
7. _____ he had finished his studies, he went to America.
A. While B. Before C. After D. Until
 8. Our band has just _____ our second album.
A. brought out B. deal with C. live up D. go on
 9. Ha _____ her stress by taking up yoga.
A. live up B. bring out C. deal with D. go on
 10. We missed the beginning of the film since our motorbike _____ on the way to the cinema
A. live up B. go on C. bring out D. broke down
 11. What time do you want to _____ for Hai Duong?
A. give up B. run out C. live up D. set off
 12. We need to prepare food, do laundry and chores at home. It's _____.
A. social skill B. self-care skill C. housekeeping skill D. cognitive skill
 13. You're welcome! Have a nice trip!
A. Of course. B. Hi C. not at all D. Thank you so much!
 14. A _____ is a building that has been made stronger and protected against attack.
A. fortress B. cathedral C. temple D. pagoda
 15. A: I'm thinking about a topic for our next discussion. - B: _____
A. Do you think about it?
B. To me, this discussion always bring me happiness
C. I suggest talking about preserving natural wonders of Viet Nam
D. Why do you have to consider its benefits?
 16. Singapore is the first on the list of the most _____ cities in Southeast Asia.
A. solvable B. liveable C. supportive D. diverse
 17. It is considered that life in the city is wonderful and _____.
A. boring B. helpful C. funny D. enjoyable
 18. Air pollution has had _____ on the environment
A. influence B. influencing C. influential D. influent
 19. Minh is _____ the most successful student in my class
A. so long B. by how C. by far D. so now
 20. "Where can we park our car?" - They wondered where _____ their car.
A. they can park B. to park C. they parked D. parking
 21. Ha Noi is not as _____ as other cities because it has many lakes, and park.
A. pollute B. polluted C. unpolluted D. pollution
 22. It's time to say goodbye, but I'm _____ meeting you all again soon.
A. looking forward to B. getting on with C. keep up with D. put up with
 23. He'll be very upset if his employer _____ his offer.
A. pulls down B. finds out C. turns off D. turns down
 24. The trip to Ho Chi Minh City was _____ for us.
A. more interesting B. the most interesting C. as interesting D. the more interesting
 25. Today's cities are _____ than cities in the previous times.
A. lots larger B. as larger C. much larger D. the largest

26. Hey! You're not a safe driver! You should drive _____.
 A. careful B. careless C. more carefully D. more carelessly
27. It must be incredible travelling by dogsled. I wish I _____ it.
 A. can do B. could did C. could do D. could have done
28. It's well worth _____ to the Perfume Pagoda.
 A. go B. to go C. Going D. to going
29. It _____ that many of our man-made wonders have been damaged.
 A. is reported B. has reported C. reported D. are reported
30. I suggest that we _____ the number of tourists visiting them every day.
 A. limited B. should limit C. limiting D. to limit

IV. Choose the one underlined word/phrase which is grammatically incorrect.

1. When we are on holiday, we used to go to the beach every day.
 A B C D
2. I am confident that life in the country has improved significant in the last five years.
 A B C D
3. We wish we can consult an expert on how to solve this problem.
 A B C D
4. It is saying that the Temple of Literature was built in the 11th century.
 A B C D
5. He works much more hard for his exams than he does for his normal school work.
 A B C D
6. The doctor suggested that he should drink more water, and took a lot of rest.
 A B C D
7. I used to listen to music during I was riding my bicycle to school.
 A B C D
8. It is annoying that many of the village's customs have replaced with new ones.
 A B C D
9. None of them had any idea about how make a raft with only a few bamboo canes.
 A B C D
10. By the time she left the shop, she spent all of her money on clothes.
 A B C D
11. He said that they will have to set off soon after midnight.
 A B C D
12. He suggested to go to Phong Nha Cave since it's a famous natural wonder of Viet Nam
 A B C D
13. When he lived in Japan, he didn't used to eat food with forks, but with chopsticks.
 A B C D
14. He thinks that geometry is not as difficult than arithmetic.
 A B C D
16. I wish I can go to see all the wonders which have been recognised by UNESCO.
 A B C D

17. She wished she is not getting stuck in another traffic jam.
A B C D
18. I used to having a very good time with my grandparents when I was a child.
A B C D
19. We have no idea who talking to when we have problems.
A B C D
20. It believed that writing a diary when you were young is one of keeping the childhood.
A B C D

V. Rewrite the sentences as directed

- Johnny said to his mother, "I don't know how to do this exercise."
Johnny told his mother
- "Don't come back before one o'clock", advised my brother.
My brother advised me
- I often went fishing when I was young.
I used
- My friend said, "Are you going to leave tomorrow?"
My friend asked me
- I asked Bill, "What time did you go to bed last night?"
I asked Bill
- It's a pity. I can't help her with her business
I wish
- They say that he invented mobile phones. (Impersonal passive)
It
- They claim that Phong Nha – Ke Bang can be compared to a huge geological museum.
(Impersonal passive)
It
- Because my sister studied hard, she completed her exam successfully (Rewrite, using "so")
My sister
- "Let's go for a walk." said Tam.
Tam suggested
- They believed the students are educated in England. (believed)
It
- The students.....
- "Should I tell this to her?"
He wondered.....
- He was so brave that he ran after the thief to get the bag back.
It was.....
- Lan went to school after saying goodbye to her parents.
After Lan.....
- Plays are not as interesting as films.
Films are

16. English isn't as difficult as French.

French is

17. Jill is more intelligent than Bill.

Bill isn't

18. Why don't we raise money for charity?

→ I suggest that.....

19. My father often smoked 20 cigarettes a day, but now he doesn't smoke any more.

My father used.....

20. Tom is very strong. He can lift that heavy table.

Tom is strong.....

21. Nam's father drank a lot of wine ten years ago but now he doesn't.

Nam's father used to.....

22. I'm sorry I can't help you.

I wish

23. What a pity we are busy with doing our assignments.

We wish

24. Lan doesn't have keys to unlock doors.

Lan wishes

25. I'm sorry I don't know her address.

I wish

26. It is not easy for you to find a parking space in the city centre.

Finding

27. I bought that schoolbag last year

That schoolbag.....

28. Because Hoa was tired, she went to bed early (so)

.....

29. People expect that the report will suggest some major reforms.

It.....

The report

30. We/suggest/that/the government/limit/the number/visitors/daily

(Rewrite the sentence using given words)

.....

31. You should visit the historical places of the area. (worth)

.....

32. What about seeing Trang An, a natural wonder of our area?

He suggests.....

33. You should use a dictionary to check the meaning of the new words. (look)

.....

34. This exhibition is much more interesting than the last one.

The last exhibition was not

34. The villagers are trying to learn English. They can communicate with foreign customers.

(In order that).

.....

35. This hand-embroidered picture was expensive. We bought it. (Even though)

36. Despite the bad weather, we visited Tay Ho village.

Although

37. "What should I wear to the fancy dress party?" Trang asked

Trang wondered

39. We don't know where we should put the sofa. (Question words+ to- infinitive)

40. I spent seven years at secondary school and then I went to university.

After.....

VI. Read and choose the best word to complete the paragraph.

In adolescence, teens experience so many physical and psychological changes that they may not know how to ...(1)..... Many boys feel obsessed with their voice or appearance. Girls feel annoyed with unwanted.....(2)..... on their faces. As teens reach.....(3)....., they have more friends and come in contact with many more people. They now have to learn(4).....socially and they may find it is not easy to adjust in the complicated world or to gain social acceptance. Many teenagers start to have(5)....feelings for another boy or girl, or feel the need to be loved. If a teen fails to get love from the one he/she likes or loves, they may find it is hard ...(6)..... the painful experience. Pressures to do well academically can be a source of.....(7).... If teens are academically strong, they can perform well. If not, they suffer(8)....endless stress. Being ...(9)... pressures of a number of things, teenagers become constantly anxious. If they are unlucky to fail in anything, they may...(10).. into the feeling of self-doubt and low self-esteem.

- | | | | |
|-------------------|----------------|----------------|----------------------|
| 1. A deal with | B. deal | C. return | D. change |
| 2. A. flu | B. disease | C. mole | D. spots |
| 3. A adult | B. adolescence | C. children | D. baby |
| 4. A. interactive | B. interaction | C. to interact | D. interacting |
| 5. A. cognitive | B. emotional | C housekeeping | D. self- care |
| 6 A. to get | B. get up | C. to get over | D. get out of the be |
| 7. A. stress | B. pressure | C. happiness | D. pain |
| 8. A from | B. about | C. of | D. with |
| 9. A. on | B. about | C under | D. of |
| 10. A. fail | B. pass | C. keep | D fall |

MÔN LỊCH SỬ

I. PHẠM VI ÔN TẬP

- Chương III. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Chương IV: Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay.
- Chương V. Cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật từ năm 1945 đến nay

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

Câu 1: Hoàn thành bảng so sánh Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai

	Mĩ	Tây Âu	Nhật Bản
<i>Kinh tế</i>			
<i>Nguyên nhân phát triển kinh tế sau chiến tranh</i>			
<i>Chính sách đối ngoại</i>			

Câu 2: Nêu nhiệm vụ, vai trò của tổ chức Liên hợp quốc. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc vào thời gian nào? Hãy kể tên các tổ chức của Liên hợp quốc đang hoạt động ở Việt Nam mà em biết?

Câu 3: Hãy nêu khái niệm, biểu hiện và hậu quả “chiến tranh lạnh”?

Câu 4. Vì sao các nước Tây Âu có xu hướng liên kết với nhau? Trình bày quá trình hình thành sự liên kết khu vực ở Tây Âu?

Câu 5: Hãy trình bày nội dung, thành tựu và tác động của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai? Theo em, cần có những giải pháp gì để hạn chế những tác động tiêu cực đó?

.....

MÔN ĐỊA LÍ

I. PHẠM VI ÔN TẬP

1. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Vùng Đồng bằng sông Hồng.
3. Vùng Bắc Trung Bộ.

II. NỘI DUNG ÔN TẬP.

Câu 1.

- a. Nêu đặc điểm về vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ vùng TD & MNBB ?
- b. Hãy lập bảng so sánh những điều kiện tự nhiên và thế mạnh kinh tế 2 tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc ?

Yếu tố	Tiểu vùng Đông Bắc	Tiểu vùng Tây Bắc
Địa hình		
Khí hậu		
Đất		
Sông ngòi		
Sinh vật		
Khoáng sản		
Thế mạnh kinh tế		

Câu 2. Nêu những thuận lợi, khó khăn khi phát triển các ngành: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ ở Trung du và miền núi Bắc Bộ? (thể hiện bằng sơ đồ cây).

Câu 3.

a. Khái quát về số dân, diện tích, các tỉnh- TP và nêu đặc điểm về vị trí địa lí - giới hạn lãnh thổ vùng Đồng bằng sông Hồng?

b. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên vùng ĐBSH có đặc điểm, thuận lợi, khó khăn gì cho phát triển kinh tế - XH?

ĐKTN, TNTN	Đặc điểm	Thuận lợi	Khó khăn
Khí hậu			
Đất đai			
Sông ngòi			
Khoáng sản			
Biển			

Câu 4. Lập sơ đồ tư duy về tình hình phát triển các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng?

Câu 5.

a. Khái quát về số dân, diện tích, các tỉnh- TP, nêu đặc điểm về vị trí địa lí - giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của vị trí địa lí vùng Bắc Trung Bộ?

b. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên vùng Bắc Trung Bộ có thế mạnh, khó khăn gì cho phát triển kinh tế - XH?

Tiêu chí	Thế mạnh	Khó khăn
Địa hình		
Sông ngòi		
Khí hậu		

Biển		
Rừng		
Khoáng sản		

Câu 6. Cho biết những thế mạnh và khó khăn của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ ở Bắc Trung Bộ?

	Thế mạnh	Khó khăn
Nông nghiệp		
Công nghiệp		
Dịch vụ		

MÔN GDCD

Phạm vi ôn tập	Kiến thức trọng tâm cần nắm
Bài 3: Dân chủ và kỉ luật	- Khái niệm
Bài 7: Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc	- Biểu hiện/ Việc làm
Bài 8: Năng động, sáng tạo	- Ý nghĩa
Bài 9: Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả	- Cách rèn luyện/ Trách nhiệm của công dân
	- Vận dụng xử lí tình huống liên hệ thực tiễn

MÔN MĨ THUẬT

Chủ đề 7: Chạm khắc đình làng Việt Nam

(Mô phỏng lại hình ảnh chạm khắc trong đình làng)

MÔN THỂ DỤC

- Ôn tập nhảy xa
- Chạy bền

Ghi chú: Các con làm đề cương ôn tập theo sự hướng dẫn của các thầy cô. Sau đó các thầy cô chấm, chữa. Các con ôn tập kĩ các nội dung đã được ôn tập. Chúc các con làm bài kiểm tra cuối kì I thật tốt và sẵn sàng tâm thế bước vào học kì II năm học 2021 – 2022, chiến thắng mọi khó khăn do dịch bệnh Covid 19 gây ra.



Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổ trưởng tổ KHXH

Đào Thị Khanh

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- KHỐI 9
NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN TOÁN

A. LÝ THUYẾT

I. PHẦN ĐẠI SỐ

Ôn các bài trong:

- +) Chương I- Căn bậc hai. Căn bậc ba
- +) Chương II- Hàm số bậc nhất
- +) Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế

II. PHẦN HÌNH HỌC:

Ôn các bài trong:

- +) Chương I- Hệ thức lượng trong tam giác vuông
- +) Chương II- Đường tròn

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP THAM KHẢO

DẠNG 1. CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN CĂN BẬC HAI

Bài 1. Cho hai biểu thức: $A = \frac{x-2}{x+2\sqrt{x}} + \frac{1}{\sqrt{x}+2}$ và $B = \frac{\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-1}$ với $x > 0, x \neq 1$

- a) Tính giá trị của biểu thức B khi $x = 9$;
- b) Rút gọn biểu thức $P = A.B$;
- c) Tìm giá trị của x để $P = \frac{3}{2}$.

Bài 2: Cho các biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}}{2\sqrt{x}-4}$; $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}+2} + \frac{3\sqrt{x}-x}{x-4}$ với $x \geq 0; x \neq 4$

- 1) Tính giá trị của A khi $x = 36$
- 2) Rút gọn biểu thức $C = B:A$
- 3) Tìm các giá trị của x để $C.\sqrt{x} < \frac{4}{3}$.

Bài 3: Cho biểu thức: $A = \frac{5}{\sqrt{x}-2}$; $B = \frac{x+5\sqrt{x}+6}{x-4} + \frac{1}{2-\sqrt{x}}$ ĐK: $x \geq 0; x \neq 4$

- 1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 25$.
- 2) Rút gọn biểu thức B.
- 3) Cho $P = \frac{A}{B}$. Tìm x để P có giá trị nguyên lớn nhất.

Bài 4: Cho hai biểu thức $P = \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}+3} + \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-3} - \frac{3x+3}{x-9}$ và $Q = \frac{\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-3}$ với $x \geq 0, x \neq 9$

- a) Tính giá trị của Q tại $x = 36$.
- b) Rút gọn P và tính $M = \frac{P}{Q}$.
- c) Tìm giá trị nhỏ nhất của M

Bài 5. Cho hai biểu thức $A = \frac{x+5}{x-1}$ và $B = \frac{3\sqrt{x}+1}{(\sqrt{x}-1)(\sqrt{x}+3)} - \frac{2}{\sqrt{x}+3}$ với $x \geq 0; x \neq 1$

1) Tính giá trị biểu thức A tại $x = \frac{1}{2}$

2) Chứng minh $B = \frac{1}{\sqrt{x}-1}$.

3) Đặt $P = \frac{A}{B}$. So sánh P và $|P|$.

4) Tìm GTNN của biểu thức P.

Bài 6: Giải các phương trình sau:

a) $\sqrt{(2x-1)^2} = 3$

b) $\frac{5}{3}\sqrt{15x} - \sqrt{15x} - 2 = \frac{1}{3}\sqrt{15x}$

c) $\frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}+2} = \frac{1}{2}$

d) $\sqrt{1-x} + \sqrt{4-4x} - \frac{1}{3}\sqrt{16-16x} + 5 = 0$

e) $\sqrt{x-2} - 3\sqrt{x^2-4} = 0$

g) $\sqrt{3+x} + \sqrt{6-x} = 3$

DẠNG 2: HÀM SỐ BẬC NHẤT

Bài 1. Cho hàm số $y = (m+1)x + 3$ (với $m \neq -1$) có đồ thị là đường thẳng (d)

a) Vẽ đồ thị hàm số khi $m = 2$

b) Tìm m để đường thẳng (d) song song với đường thẳng $y = -2x + 1$

c) Tìm m để đường thẳng (d) cắt hai trục tọa độ Ox, Oy tạo thành một tam giác có diện tích bằng 9.

Bài 2. Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho đường thẳng (d): $y = 2x - 4$

a) Xác định tọa độ các giao điểm A và B của (d) với hai trục Ox và Oy. Vẽ (d) trong mặt phẳng tọa độ Oxy

b) Tính chu vi và diện tích tam giác OAB

c) Tìm m để đường thẳng (dm): $y = (m^2 - 2)x + 2m - 2m^2$ song song với (d)

Bài 3: Cho hàm số $y = -2x + 3$ có đồ thị là đường thẳng (d₁) và hàm số $y = 0,5x - 2$ có đồ thị là đường thẳng (d₂).

1. Vẽ đường thẳng (d₁) và (d₂) cùng trên một mặt phẳng tọa độ

2. Tìm tọa độ giao điểm C của hai đường thẳng (d₁) và (d₂) bằng phép toán

3. Gọi A, B thứ tự là giao điểm của đường thẳng (d₁) và (d₂) với trục Oy. Tính diện tích tam giác ABC (đơn vị đo trên các trục tọa độ là cm).

Bài 4. Cho hàm số $y = (2-m)x + m + 1$ (với m là tham số và m khác 2) có đồ thị là đường thẳng (d)

a) Tìm m để đồ thị hàm số cắt trục tung tại điểm có tung độ là 5; vẽ đồ thị hàm số với giá trị của m vừa tìm được

b) Tìm m để đồ thị hàm số cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng 2.

c) Tìm m để đường thẳng (d) cắt đường thẳng $y=3x-1$ tại điểm có hoành độ bằng 2, tìm tọa độ giao điểm.

d) Chứng minh các đường thẳng (d) luôn đi qua 1 điểm cố định.

Bài 5: Cho hàm số $y = (m - 4)x + 4$ có đồ thị là đường thẳng d (m khác 4)

a) Tìm m để đồ thị hàm số đi qua A(1;6).

b) Vẽ đồ thị hàm số với m vừa tìm được ở câu a. Tính góc tạo bởi đồ thị hàm số với trục Ox (làm tròn đến phút).

c) Tìm m để đường thẳng (d) song song với đường thẳng (d_1): $y = (m - m^2)x + m + 2$

DẠNG 3: CÁC BÀI HÌNH TỔNG HỢP

Bài 1: Cho đường tròn (O; R) đường kính AB. Vẽ tiếp tuyến Bx của (O). Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ AB có chứa Bx, lấy điểm M thuộc (O) (M khác A và B) sao cho $MA > MB$. Tia AM cắt Bx tại C. Từ B kẻ đường thẳng vuông góc với OC, cắt nửa đường tròn ở D

1) Chứng minh CD là tiếp tuyến của nửa đường tròn

2) Chứng minh bốn điểm O, B, C, D cùng thuộc một đường tròn

3) Giả sử $\widehat{CAB} = 30^\circ$. Tính MH và DC theo R

4) Chứng minh $\widehat{CMD} = \widehat{CDA}$

Bài 2: Cho nửa đường tròn (O;R) đường kính AB, vẽ hai tiếp tuyến Ax, By với nửa đường tròn. Trên tia Ax lấy điểm E (E khác A, $AE < R$), trên nửa đường tròn lấy điểm M sao cho $EM = EA$, đường thẳng EM cắt tia By tại F.

a) Chứng minh EF là tiếp tuyến của đường tròn (O)

b) Chứng minh tam giác EOF là tam giác vuông

c) Chứng minh $AM.OE + BM.OF = AB.EF$

Bài 3: Cho tam giác ABC ($AB < AC$) nội tiếp đường tròn (O) đường kính BC. Vẽ đường cao AH của tam giác ABC ($H \in BC$)

a) Biết $AB = 6\text{cm}$; $AC = 8\text{cm}$. Tính độ dài AH, HB

b) Tiếp tuyến tại A của đường tròn (O) cắt các tiếp tuyến tại B và C lần lượt ở M và N. Chứng minh $MN = MB + NC$ và $\widehat{MON} = 90^\circ$

c) Trên cạnh AC lấy E sao cho $AB = AE$, gọi I là trung điểm của BE. Chứng minh 3 điểm M, I, O thẳng hàng

d) Chứng minh HI là phân giác của góc AHC

Bài 4: Cho đường tròn (O; R) và một điểm H cố định nằm ngoài đường tròn. Qua H kẻ đường thẳng d vuông góc với đoạn thẳng OH. Từ 1 điểm S trên đường thẳng d kẻ hai tiếp tuyến SA, SB với đường tròn (O) (A, B là hai tiếp điểm). Gọi M, N lần lượt là giao điểm của đoạn thẳng SO với đoạn thẳng AB và đường tròn (O; R).

a) Chứng minh bốn điểm S, A, O, B cùng nằm trên 1 đường tròn

b) Chứng minh: $OM.OS = R^2$

c) Chứng minh N là tâm đường tròn nội tiếp tam giác SAB

d) Khi S di chuyển trên đường thẳng d thì điểm M di chuyển trên đường nào?

- Bài 5:** Cho đường tròn (O) và điểm M nằm ngoài đường tròn. Qua M kẻ các tiếp tuyến MA, MB tới đường tròn (O) với A, B là các tiếp điểm.
- 1) Chứng minh bốn điểm A, B, M, O cùng thuộc một đường tròn.
 - 2) Kẻ đường kính AC của đường tròn (O). Chứng minh $OM \parallel CB$
 - 3) Vẽ BK vuông góc với AC tại K. Chứng minh: $CK \cdot OM = OB \cdot CB$
 - 4) Tiếp tuyến tại C của đường tròn (O) cắt AB tại D. Chứng minh OD vuông góc với CM

DẠNG 4: BÀI TẬP THAM KHẢO DÀNH CHO HS K- G

Bài 1: Tìm x để biểu thức:

$$P = \sqrt{(x-2018)^2} + \sqrt{(x-2019)^2} + \sqrt{(x-2020)^2} \text{ có GTNN}$$

Bài 2: Tìm GTLN của biểu thức: $A = \frac{\sqrt{x-2020}}{x+2} + \frac{\sqrt{x-2021}}{x}$

Bài 3: Với những giá trị x thỏa mãn điều kiện: $x \geq -\frac{1}{2}$.

Hãy tìm GTLN của biểu thức: $A = \sqrt{2x^2 + 5x + 2} + 2\sqrt{x+3} - 2x$

Bài 4 Cho x, y, z là các số dương. Chứng minh rằng: $\frac{x}{x+y} + \frac{y}{y+z} + \frac{z}{z+x} > 1$

MÔN VẬT LÝ

Câu 1. Đặt vào hai đầu dây dẫn hiệu điện thế 6V thì cường độ dòng điện chạy trong dây dẫn là 0,02mA. Nếu tăng hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn lên thêm 3V thì cường độ dòng điện chạy trong dây dẫn là

- A. 0,01mA. B. 0,03mA. C. 0,3mA. D. 0,9mA.

Câu 2. Cường độ dòng điện chạy qua một đoạn mạch

- A. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu đoạn mạch này.
B. tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế đặt vào hai đầu đoạn mạch này.
C. không thay đổi khi thay đổi hiệu điện thế đặt vào hai đầu đoạn mạch này.
D. giảm khi tăng hiệu điện thế đặt vào hai đầu đoạn mạch này.

Câu 3. Điện trở R của dây dẫn biểu thị cho:

- A. Tính cản trở dòng điện nhiều hay ít của dây.
B. Tính cản trở hiệu điện thế nhiều hay ít của dây.
C. Tính cản trở electron nhiều hay ít của dây.
D. Tính cản trở điện lượng nhiều hay ít của dây.

Câu 4. Phát biểu nào đúng khi nói về đơn vị của điện trở?

- A. Một Ôm (1Ω) là điện trở của một dây dẫn khi giữa hai đầu dây có hiệu điện thế

1A thì tạo nên dòng điện không đổi có cường độ 1V.

B. Một Ôm (1Ω) là điện trở của một dây dẫn khi giữa hai đầu dây có hiệu điện thế 1V thì tạo nên dòng điện không đổi có cường độ 1A.

C. Một Ôm (1Ω) là dây dẫn khi giữa hai đầu dây có hiệu điện thế 1A thì tạo nên dòng điện không đổi có cường độ 1V.

D. Một Ôm (1Ω) là dây dẫn khi giữa hai đầu dây có hiệu điện thế 1V thì tạo nên dòng điện không đổi có cường độ 1A.

Câu 5. Chọn biến đổi đúng trong các biến đổi sau:

A. $1k\Omega = 1\,000\Omega = 0,01M\Omega$

B. $1M\Omega = 1\,000k\Omega = 1\,000\,000\Omega$

C. $1\Omega = 0,001k\Omega = 0,0001M\Omega$

D. $10\Omega = 0,1k\Omega = 0,00001M\Omega$

Câu 6. Hai điện trở R_1 và R_2 mắc nối tiếp. Hệ thức nào sau đây là đúng:

A. $\frac{U_1 + U_2}{R_1} = \frac{U_2}{R_2}$

B. $\frac{U_2}{R_1} = \frac{U_1}{R_2}$

C. $\frac{U_1}{R_1} = \frac{U_2}{R_2}$

D. $\frac{U_1}{R_1} = \frac{U_2 + U_1}{R_2}$

Câu 7. Mạch điện kín gồm hai bóng đèn được mắc nối tiếp, khi một trong hai bóng đèn bị hỏng thì bóng đèn còn lại sẽ

A. sáng hơn.

B. vẫn sáng như cũ

C. không hoạt động.

D. tối hơn.

Câu 8. Mắc nối tiếp $R_1 = 40\Omega$ và $R_2 = 80\Omega$ vào hiệu điện thế không đổi 12V.

Cường độ dòng điện chạy qua điện trở R_1 là

A. 0,3A.

B. 0,15A.

C. 1A.

D. 0,1A.

Câu 9. Điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc nối tiếp bằng 100Ω . Biết rằng một trong hai điện trở có giá trị lớn gấp ba lần điện trở kia. Giá trị của mỗi điện trở

A. 20Ω và 80Ω .

B. 30Ω và 70Ω .

C. 40Ω và 60Ω .

D. 25Ω và 75Ω .

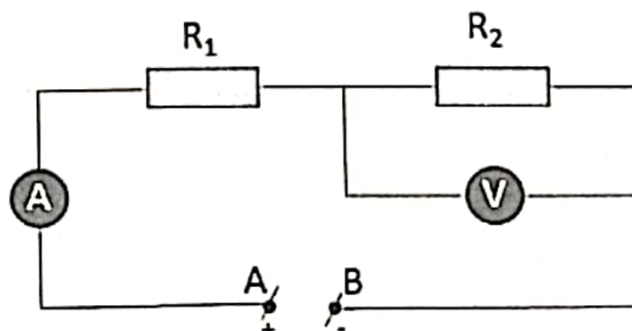
Câu 10. Cho mạch điện có sơ đồ như hình vẽ, trong đó điện trở $R_1 = 5\Omega$, $R_2 = 15\Omega$, vôn kế chỉ 3V. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch AB có thể nhận giá trị nào?

A. $U = 45V$.

B. $U = 15V$.

C. $U = 4V$.

D. $U = 60V$.



Câu 11. Mắc nối tiếp hai điện trở R_1 và R_2 ($R_1 > R_2$) với nhau thành đoạn mạch. Điện trở R của đoạn mạch thỏa mãn

A. $R < R_2$

B. $R > R_1$

C. $R = R_2$

D. $R < R_1$

Câu 12. Câu phát biểu nào sau đây là đúng: Trong đoạn mạch mắc song song, cường độ dòng điện

- A. qua các vật dẫn là như nhau.
- B. qua các vật dẫn không phụ thuộc vào điện trở các vật dẫn.
- C. trong mạch chính bằng tổng cường độ dòng điện qua các mạch rẽ.
- D. trong mạch chính bằng cường độ dòng điện qua các mạch rẽ.

Câu 13. Biểu thức nào sau đây xác định điện trở tương đương của đoạn mạch có hai điện trở R_1, R_2 mắc song song?

A. $\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$

B. $R_{td} = \frac{R_1 R_2}{R_1 - R_2}$

C. $R_{td} = R_1 + R_2$

D. $R_{td} = R_1 - R_2$

Câu 14. Hai bóng đèn có ghi 220V – 25W, 220V – 40W. Để 2 bóng đèn trên hoạt động bình thường ta mắc song song 2 đèn vào nguồn điện

- A. 220 V.
- B. 110 V.
- C. 40 V.
- D. 25 V.

Câu 15. Một mạch điện gồm hai điện trở R_1 và R_2 mắc song song với nhau. Khi mắc vào một hiệu điện thế U thì cường độ dòng điện chạy qua mạch chính là $I = 1,2A$ và cường độ dòng điện chạy qua R_2 là $I_2 = 0,5A$. Cường độ dòng điện chạy qua R_1 là

- A. $I_1 = 1,7A$.
- B. $I_1 = 1,2A$.
- C. $I_1 = 0,7A$.
- D. $I_1 = 0,5A$.

Câu 16. Giữa 2 điểm A, B của một mạch điện có hiệu điện thế không đổi $U = 24V$, người ta mắc song song 2 dây điện trở $R_1 = 10\Omega$ và $R_2 = 40\Omega$. Cường độ dòng điện qua mỗi điện trở R_1, R_2 là:

- A. $I_1 = 2,4A; I_2 = 0,6A$.
- B. $I_1 = 0,9A; I_2 = 0,6A$.
- C. $I_1 = 2,4A; I_2 = 2,4A$.
- D. $I_1 = 0,8A; I_2 = 0,4A$.

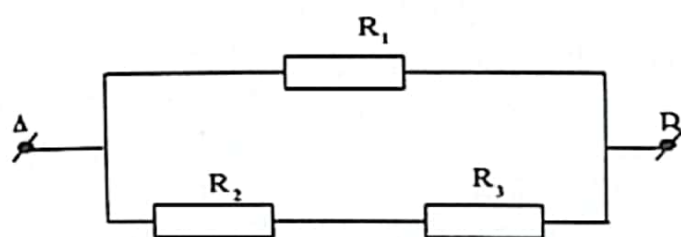
Câu 17. Giữa 2 điểm A, B của một mạch điện, hiệu điện thế luôn luôn không đổi và bằng 9V, người ta mắc song song 2 dây điện trở R_1 và R_2 . Cường độ dòng điện qua dây dẫn thứ nhất $I_1 = 0,6A$; qua dây thứ hai $I_2 = 0,4A$. Điện trở tương đương của cả đoạn mạch

- A. $R_{td} = 9\Omega$.
- B. $R_{td} = 15\Omega$.
- C. $R_{td} = 22,5\Omega$.
- D. $R_{td} = 37,5\Omega$.

Câu 18. Điện trở $R_1 = 30\Omega$ chịu được dòng điện lớn nhất là 2A, Điện trở $R_2 = 10\Omega$ chịu được dòng điện lớn nhất là 1A. Đoạn mạch gồm R_1 và R_2 mắc song song chịu được hiệu điện thế lớn nhất đặt vào hai đầu đoạn mạch này là:

- A. $U = 10V$.
- B. $U = 15V$.
- C. $U = 40V$.
- D. $U = 60V$.

Câu 19. Cho mạch điện AB có sơ đồ như hình vẽ, trong đó điện trở $R_1 = 3\Omega, R_2 = 1\Omega, R_3 = 6\Omega$. Điện trở tương đương của đoạn mạch là

A. $0,75\Omega$ B. 3Ω C. $2,1\Omega$ D. 10Ω 

Câu 20. Khi đặt một hiệu điện thế $12V$ vào hai đầu một cuộn dây dẫn thì dòng điện qua nó có cường độ $1,5A$. Chiều dài của dây dẫn dùng để quấn cuộn dây này là (Biết rằng loại dây dẫn này nếu dài $6m$ có điện trở là 2Ω .)

A. $l = 12m$ B. $l = 18m$ C. $l = 24m$ D. $l = 8m$

Câu 21. Hai dây dẫn có cùng chiều dài làm bằng cùng một chất, dây thứ nhất có tiết diện $S_1 = 0,3mm^2$, dây thứ hai có tiết diện $S_2 = 1,5mm^2$. Tìm điện trở dây thứ hai, biết điện trở dây thứ nhất là $R_1 = 45\Omega$. Chọn kết quả đúng trong các kết quả

A. $R_2 = 50\Omega$.B. $R_2 = 40\Omega$.C. $R_2 = 9\Omega$.D. $R_2 =$ 225Ω .

Câu 22. Hai dây nhôm có chiều dài bằng nhau, dây thứ nhất có đường kính tiết diện gấp đôi dây thứ hai. Tỉ số $\frac{R_1}{R_2}$ là :

A. 4

B. 2

C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 23. Nhận định nào sau đây là KHÔNG đúng. Để giảm điện trở của dây dẫn người ta A. giảm tiết diện của dây dẫn và dùng vật liệu có điện trở suất nhỏ.

B. dùng vật liệu có điện trở suất nhỏ.

C. tăng tiết diện của dây dẫn và dùng vật liệu có điện trở suất nhỏ.

D. tăng tiết diện của dây dẫn.

Câu 24. Dây dẫn có chiều dài l , tiết diện S và làm bằng chất có điện trở suất ρ thì có điện trở R được tính bằng công thức:

A. $R = \rho \cdot S / l$ B. $R = S / \rho \cdot l$ C. $R = l / \rho \cdot S$ D. $R =$ $\rho \cdot l / S$.

Câu 25. Điện trở suất của một vật liệu có giá trị bằng điện trở của một dây dẫn hình trụ làm bằng vật liệu đó, có:

A. Chiều dài $1m$ tiết diện đều $1cm^2$.B. Chiều dài $1m$ tiết diện đều $1m^2$.C. Chiều dài $1m$ tiết diện đều $1mm^2$.D. Chiều dài $1mm$ tiết diện đều $1mm^2$.

Câu 26. Điện trở suất được sắp xếp theo thứ tự tăng dần: Bạc, đồng, nhôm, Vonfam. Kim loại nào dẫn điện tốt nhất?

A. Vonfam.

B. Nhôm.

C. Bạc.

D. Đồng.

Câu 27. Một đoạn dây dẫn hình trụ, đồng chất, tiết diện đều có điện trở R . Nếu cắt

đoạn dây dẫn đó thành bốn đoạn có chiều dài bằng nhau thì mỗi đoạn có điện trở là
 A. $0,25R$ B. $2R$ C. $0,5R$ D. $4R$

Câu 28. Một dây dẫn bằng đồng có điện trở $9,6\Omega$ với lõi gồm 30 sợi đồng mảnh có tiết diện như nhau. Điện trở của mỗi sợi dây mảnh là
 A. $R = 9,6\Omega$ B. $R = 0,32\Omega$ C. $R = 288\Omega$ D. $R = 28,8\Omega$

Câu 29. Biến trở hoạt động dựa trên tính chất nào của dây dẫn?

- A. Điện trở của dây dẫn phụ thuộc vào vật liệu làm dây dẫn.
- B. Điện trở của dây dẫn tỉ lệ nghịch với tiết diện của dây dẫn.
- C. Điện trở của dây dẫn tỉ lệ thuận với chiều dài dây dẫn.
- D. Điện trở của dây dẫn tỉ lệ nghịch với đường kính dây dẫn.

Câu 30. Biến trở là một linh kiện dùng để

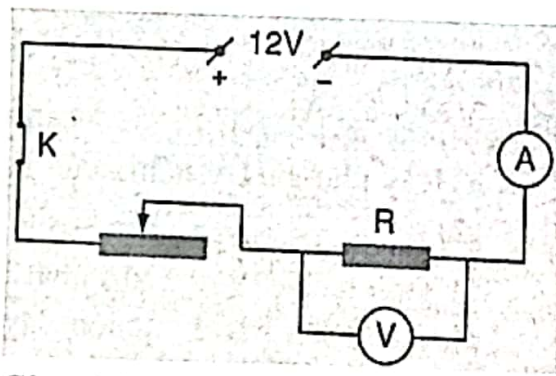
- A. thay đổi vật liệu dây dẫn trong mạch.
- B. điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.
- C. điều chỉnh hiệu điện thế giữa của nguồn điện.
- D. thay đổi khối lượng riêng dây dẫn trong mạch.

Câu 31. Trên một biến trở có ghi $50\Omega - 2,5A$. Hiệu điện thế lớn nhất được phép đặt lên hai đầu dây cố định của biến trở là

- A. $U = 125V$ B. $U = 50,5V$ C. $U = 20V$ D. $U = 47,5V$

Câu 32. Cho mạch điện có sơ đồ như hình vẽ. Nguồn điện có hiệu điện thế không đổi $12V$, điện trở $R = 12\Omega$. Phải điều chỉnh biến trở có điện trở bao nhiêu để vôn kế chỉ $4,5V$.

- A. 6Ω B. 10Ω C. 16Ω D. 20Ω



Câu 33: Trong các đèn sau đây, khi được thắp sáng bình thường thì đèn nào sáng mạnh nhất?

- A. $220V - 100W$ B. $220V - 25W$ C. $220V - 75W$ D. $110V - 75W$

Câu 34. Đoạn mạch gồm đèn D_1 ghi $6V - 3W$, đèn D_2 ghi $6V - 1,5W$ mắc nối tiếp rồi mắc vào nguồn điện có hiệu điện thế $12V$. Hai đèn sáng như thế nào?

- A. D_2 sáng hơn D_1 , nhưng cả 2 đèn không sáng bình thường.

B. Đ₁ sáng hơn Đ₂, nhưng cả 2 đèn không sáng bình thường.

C. Đ₂ sáng, Đ₁ không sáng.

D. Hai đèn sáng bình thường.

Câu 35. Khi đặt hiệu điện thế 6V vào hai đầu một điện trở, thì công suất tiêu thụ của điện trở là 1W. Khi đặt hiệu điện thế 12V thì công suất tiêu thụ của điện trở ấy là:

A. 3W.

B. 4W.

C. 6W.

D. 24W.

Câu 36. Đèn 220V – 60W được mắc vào hiệu điện thế 200V. Độ sáng của đèn khi đó như thế nào?

A. Đèn sáng bình thường.

B. Đèn sáng yếu hơn mức bình thường.

C. Đèn sáng mạnh hơn mức bình thường.

D. Đèn lúc sáng mạnh, lúc sáng yếu.

Câu 37. Một nồi cơm điện có hai chế độ: nấu và ủ cơm. Công suất của nồi:

A. Khi ở chế độ nấu lớn hơn ở chế độ ủ.

B. Khi ở chế độ nấu nhỏ hơn ở chế độ ủ.

C. Khi ở chế độ nấu hay ở chế độ ủ đều bằng nhau.

D. Khi ở chế độ nấu hay ở chế độ ủ đều không tiêu thụ điện năng.

Câu 38. Trên một bóng đèn có ghi 12 V – 6W .

A. Cường độ dòng điện lớn nhất mà bóng đèn chịu được là 2A.

B. Cường độ dòng điện lớn nhất mà bóng đèn chịu được là 0,5A.

C. Cường độ dòng điện tối thiểu mà bóng đèn sáng được là 2A.

D. Cường độ dòng điện qua bóng đèn khi đèn sáng bình thường là 0,5A.

Câu 39. Trên một bóng đèn có ghi 110V-55W . Điện trở của nó là:

A. 0,5 Ω .

B. 27,5Ω .

C. 2Ω.

D. 220Ω.

Câu 40. Chọn câu trả lời sai: Một quạt điện có ba nút điều chỉnh tốc độ quay nhanh theo thứ tự tăng dần của các nút (1), (2) và (3). Công suất của quạt khi bật :

A. Nút (3) là lớn nhất.

B. Nút (1) là lớn nhất.

C. Nút (1) nhỏ hơn công suất nút (2).

D. Nút (2) nhỏ hơn công suất nút (3).

Câu 41. Hai bóng đèn, một cái có công suất 75W, cái kia có công suất 40W, hoạt động bình thường dưới hiệu điện thế 120V. So sánh điện trở dây tóc của hai bóng đèn thì:

A. Đèn công suất 75W có điện trở lớn hơn.

B. Đèn công suất 40W có điện trở lớn hơn.

C. Điện trở dây tóc hai đèn như nhau.

D. Không so sánh được.

Câu 42. Hai bóng đèn lần lượt có ghi số 12V- 9W và 12V- 6W được mắc song song vào nguồn điện có hiệu điện thế 12V.

A. Hai đèn sáng bình thường.

B. Đèn thứ nhất sáng yếu hơn bình thường.

C. Đèn thứ nhất sáng mạnh hơn bình thường.

D. Đèn thứ hai sáng yếu hơn bình thường.

Câu 43. (13.1 – BTVL9): Đơn vị nào dưới đây **không phải** là đơn vị của điện năng?

A. Jun (J).

B. Niuton (N).

C. Kiloát giờ (kW.h).

D. Số đếm của công tơ điện.

Câu 44. (13.2 – BTVL9): Số đếm ở công tơ điện gia đình cho biết:

A. Thời gian sử dụng điện của gia đình.

B. Công suất điện mà gia đình sử dụng.

C. Điện năng mà gia đình đã sử dụng.

D. Số dụng cụ và thiết bị điện đang được sử dụng.

Câu 45. Điện năng tiêu thụ (công của dòng điện) trong thời gian t của đoạn mạch chỉ có duy nhất điện trở R (điện trở thuần), không được tính bằng công thức nào?

A. $A = UIt$.

B. $A = \frac{U^2}{R} t$.

C. $A = I^2 R t$.

D. $A = P.U$.

Câu 46. (13.9 – BTVL9): Một bóng đèn điện có ghi 220V - 100W được mắc vào hiệu điện thế 220V. Biết đèn được sử dụng trung bình 4 giờ trong 1 ngày. Điện năng tiêu thụ của bóng đèn này trong 30 ngày là bao nhiêu?

A. 12kW.h.

B. 400kW.h.

C. 1440kW.h.

D.

43200kW.h.

Câu 47. Một gia đình sử dụng đèn chiếu sáng với công suất tổng cộng 150W trung bình mỗi ngày 10 giờ, sử dụng tủ lạnh công suất 100W mỗi ngày 24 giờ và các thiết bị khác có công suất tổng cộng 500W trung bình mỗi ngày 5 giờ. Điện năng mà gia đình này sử dụng trong 1 tháng (30 ngày) là:

A. 205KWh.

B. 192KWh.

C. 178KWh.

D. 150KWh.

Câu 48. (14.1 – BTVL9): Điện năng không thể biến đổi thành:

A. Cơ năng.

B. Nhiệt năng.

C. Hóa năng.

D. Năng lượng nguyên tử.

Câu 49. Một bàn là được sử dụng ở hiệu điện thế định mức là 220V trong 10 phút thì tiêu thụ một lượng điện năng 660KJ. Cường độ dòng điện qua bàn là là

A. 0,5A.

B. 0,3A.

C. 3A.

D. 5A.

Câu 50. Một bóng đèn loại 220V – 100W và một bếp điện 220V – 1000W được sử dụng ở hiệu điện thế định mức. Mỗi ngày đèn sử dụng trung bình 5h, bếp sử dụng 2h. Giá 1kWh điện là 1500 đồng. Tiền điện phải trả cho cả 2 thiết bị này trong 30 ngày là:

A. 52 500đ.

B. 112 500đ.

C. 46 200đ.

D. 161 700đ.

Câu 51. Một máy bơm điện ghi 220V – 1000W, được sử dụng ở hiệu điện thế 200V. Công suất thực tế của máy bơm là:

A. 822,31W.

B. 750,45W.

C. 1000W.

D. 960W.

Câu 52. Điều nào sau đây không đúng?

A. Đơn vị của công suất điện P là: W, KW, MW.

B. Đơn vị của công A của dòng điện là: J, KJ hoặc Ws, kW.h.

C. Đơn vị của công suất điện P là: V.A, KV.A.

D. Đơn vị của công suất điện P là: Ws, kWh.

Câu 53. Một gia đình có chỉ số tiêu thụ trên công tơ trung bình mỗi tháng 200 số. Lượng điện năng tiêu thụ mỗi tháng của gia đình đó là:

A. $7,2 \cdot 10^8 J$.

B. $3,6 \cdot 10^6 J$.

C. $2 \cdot 10^8 J$.

D. 200kJ.

Câu 54. (16.2- BTVL9) Phát biểu nào không đúng?

Nhiệt lượng tỏa ra ở dây dẫn khi có dòng điện chạy qua:

A. Tỷ lệ thuận với cường độ dòng điện, với điện trở và với thời gian dòng điện chạy qua.

B. Tỷ lệ thuận với bình phương cường độ dòng điện, với điện trở và với thời gian dòng điện chạy qua.

C. Tỷ lệ thuận với bình phương hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn, với thời gian dòng điện chạy qua và tỷ lệ nghịch với điện trở dây dẫn.

D. Tỷ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn, với cường độ dòng điện và với thời gian dòng điện chạy qua.

Câu 55. (16.7- BTVL9) Công thức nào không phải là công thức tính nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn khi có dòng điện chạy qua?

A. $Q = \frac{U.I}{I}$. B. $Q = UI.t$. C. $Q = \frac{U^2.I}{R}$. D. $Q = I^2Rt$.

Câu 56. (16.10 - BTVL9) Dòng điện có cường độ 2mA chạy qua một điện trở 3KΩ trong thời gian 10 phút, thì nhiệt lượng tỏa ra ở điện trở này có giá trị:

A. $Q = 7,2J$. B. $Q = 60J$. C. $Q = 120J$. D. $Q = 3600J$.

Câu 57. Một dây dẫn có điện trở 176Ω được mắc vào nguồn điện có hiệu điện thế 220V. Nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn đó trong 15 phút là:

A. 247 500J. B. 59 400J. C. 500 000J. D. 176 000J.

Câu 58. Bếp điện ghi 220V – 800W, hoạt động bình thường trong 90 phút. Số đếm của công tơ tăng lên là :

A. 1,2 số. B. 2,2 số. C. 2,5 số. D. 3,3 số.

Câu 59. Bếp điện ghi 220V – 1000W được sử dụng với hiệu điện thế 220V, để đun sôi 2 lít nước ở nhiệt độ ban đầu 20°C trong thời gian 20 phút. Biết $C_n = 4200J/kg.k$. Hiệu suất của bếp là :

A. 35%. B. 36%. C. 40%. D. 56%.

Câu 60. Bếp điện ghi 220V– 1000W được sử dụng với hiệu điện thế 220V, để đun sôi 2 lít nước ở nhiệt độ ban đầu 20°C. Biết $C_n = 4200J/kg.k$. Bỏ qua nhiệt lượng làm nóng vỏ ấm và tỏa ra môi trường xung quanh. Thời gian đun nước là :

A. 445s. B. 500s. C. 602s. D. 672s.

Câu 61. Phát biểu nào sau đây về nam châm là đúng:

A. Nam châm hút sắt nhưng sắt không hút nam châm.

B. Trái đất là 1 nam châm mà cực từ Nam nằm ở gần cực Bắc địa lý.

C. Khi đặt cực từ của 2 nam châm ở gần nhau chúng hút nhau.

D. Khi đưa cực từ của 1 thanh nam châm đến gần đầu 1 kim nam châm, đầu kim nam châm chuyển động quay ra xa cực từ của thanh nam châm.

Câu 62: Lực tác dụng nào sau đây không phải là lực từ?

A. Lực hút của thanh nam châm lên viên bi sắt đặt gần cực từ của nó.

B. Lực do dòng điện tác dụng làm quay kim nam châm đặt gần nó.

C. Lực do trái đất tác dụng lên kim nam châm khiến kim nam châm quay về hướng Bắc – Nam.

D. Lực do trái đất hút kim nam châm về phía mặt đất khi thả rơi kim nam châm.

Câu 63. Khi đưa 1 sợi dây kim loại lại gần 1 kim nam châm, trường hợp nào sau đây không làm lệch hướng của kim nam châm?

- A. Dây thép không có dòng điện chạy qua.
- B. Dây thép có dòng điện chạy qua.
- C. Dây đồng không có dòng điện chạy qua.
- D. Dây đồng có dòng điện chạy qua.

Câu 64. Câu nào nói về nam châm là đúng:

- A. Nam châm luôn có 2 cực là cực dương và cực âm.
- B. Nam châm luôn có 2 cực là cực Bắc và cực Nam.
- C. Khi bẻ gãy 1 nam châm thì có thể tách riêng được 2 cực của nam châm.
- D. Phát biểu A, B, C đều đúng.

Câu 65. La bàn là dụng cụ:

- A. Xác định độ cao.
- B. Xác định hướng Bắc – Nam.
- C. Xác định nhiệt độ.
- D. Xác định chiều chuyển động của các vật.

Câu 66. Khi đưa 2 cực cùng tên của 2 nam châm khác nhau lại gần nhau, thì chúng:

- A. Đẩy nhau.
- B. Hút nhau.
- C. Không hút, không đẩy.
- D. Lúc hút, lúc đẩy.

Câu 67. (21.6 – BTVL 9) Trên thanh nam châm chỗ nào hút sắt mạnh nhất?

- A. Phần giữa của thanh.
- B. Chỉ từ cực Bắc.
- C. Cả 2 từ cực.
- D. Mọi chỗ đều hút sắt mạnh như nhau.

Câu 68. (21.8 – BTVL 9) Vì sao nói rằng trái đất giống như 1 thanh nam châm không lồ?

- A. Vì trái đất hút mọi vật về phía nó.
- B. Vì trái đất hút các vật bằng sắt về phía nó.
- C. Vì trái đất hút các thanh nam châm về phía nó.
- D. Vì mỗi cực của 1 thanh nam châm để tự do luôn hướng về 1 cực của trái đất.

Câu 69. (21.9 – BTVL 9) Khi 1 thanh nam châm thẳng bị gãy làm 2 nửa, nhận định nào dưới đây đúng:

- A. Mỗi nửa tạo thành 1 nam châm mới chỉ có 1 cực từ ở 1 đầu.
- B. Hai nửa đều mất hết từ tính.
- C. Mỗi nửa thành 1 nam châm mới, có 2 cực từ cùng tên ở 2 đầu.
- D. Mỗi nửa thành 1 nam châm mới, có 2 cực từ khác tên ở 2 đầu.

Câu 70. (22.8 – BTVL 9) Lực do dòng điện tác dụng lên kim nam châm đặt gần nó được gọi là:

- A. Lực hấp dẫn.
- B. Lực từ.
- C. Lực điện.
- D. Lực điện từ.

Câu 71. Vật nào sau đây không tạo ra trong không gian xung quanh nó 1 từ trường?

- A. Thanh nam châm.
- B. Thanh sắt.
- C. Dây dẫn có dòng điện chạy qua.
- D. Kim nam châm.

Câu 72. Con người nhận biết được trong 1 không gian có từ trường hay không là nhờ:

A. Khứ giác.

B. Vị giác.

C. Thính giác.

D. Nam châm thử (Kim nam châm).

Câu 73. Người ta quan sát được từ trường của 1 nam châm, của 1 dòng điện là nhờ:

A. Từ phổ.

B. Đồ thị.

C. Kim nam châm.

D. La bàn.

Câu 74. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về các từ cực của ống dây có dòng điện chạy qua?

A. Đầu có các đường sức từ đi ra là cực Bắc, đầu còn lại là cực Nam.

B. Đầu có các đường sức từ đi vào là cực Bắc, đầu còn lại là cực Nam.

C. Hai đầu của ống dây đều là cực Bắc.

D. Hai đầu của ống dây đều là cực Nam.

Câu 75. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Chỉ duy nhất có nam châm là gây ra được từ trường.

B. Chỉ duy nhất có dòng điện mới sinh ra được từ trường.

C. Cả nam châm và dòng điện đều gây ra được từ trường trong không gian xung quanh nó.

D. Thanh nhôm không có dòng điện chạy qua cũng có thể gây ra từ trường xung quanh nó.

Câu 76. Câu nào đúng?

A. Chỉ có lực do từ trường gây bởi nam châm vĩnh cửu tác dụng lên kim nam châm mới gọi là từ lực.

B. Chỉ có lực do từ trường gây bởi dòng điện 1 chiều chạy trong dây dẫn tác dụng lên nam châm thử mới gọi là từ lực.

C. Lực do từ trường gây bởi nam châm vĩnh cửu và dòng điện tác dụng lên kim nam châm (nam châm thử) đều gọi là từ lực.

D. Lực do từ trường gây bởi nam châm vĩnh cửu và dòng điện tác dụng lên kim nam châm (nam châm thử) gọi là điện lực.

Câu 77. (24.8 – BTVL9) Vì sao có thể coi ống dây có dòng điện 1 chiều chạy qua như 1 thanh nam châm thẳng?

A. Vì ống dây cũng tác dụng lực từ lên kim sắt.

B. Vì ống dây cũng tác dụng lực từ lên kim nam châm.

C. Vì ống dây cũng có 2 cực từ N, S giống như thanh nam châm thẳng.

D. Vì 1 kim nam châm đặt trong lòng ống dây cũng chịu tác dụng lực từ giống như khi đặt trong lòng nam châm.

Câu 78. Phát biểu nào **không đúng** ?

A. Qui ước chiều của đường sức từ là chiều đi từ cực nam tới cực bắc của kim nam châm khi đặt kim nam châm tại 1 điểm trên đường sức từ đó.

B. Qui ước chiều của đường sức từ là chiều đi từ cực bắc tới cực nam của kim nam châm khi đặt kim nam châm tại 1 điểm trên đường sức từ đó

C. Nam châm vĩnh cửu, nam châm điện thì đường sức từ có chiều : đi ra khỏi cực bắc, đi vào cực nam của nam châm.

D. Nam châm điện là 1 ống dây trong lòng có lõi sắt.

Câu 79. các đường sức từ trong lòng ống dây có dòng điện 1 chiều đi qua có những đặc điểm gì?

A. Là những đường thẳng song song cách đều nhau và vuông góc với trục của ống dây.

B. Là những vòng tròn đồng trục, trục đó là trục của ống dây.

C. Là những đường thẳng song song cách đều nhau hướng từ cực Nam tới cực Bắc của ống dây.

D. Là những đường thẳng song song cách đều nhau hướng từ cực Bắc tới cực Nam của ống dây.

Câu 80. (22.7 – BTVL9) Dùng dụng cụ nào để nhận biết từ trường?

A. Am pe kế.

B. Vôn kế.

C. Áp kế.

D. Kim nam châm có trục quay.

Câu 81. (23.9 – BTVL9) Độ mau, thưa của các đường sức từ trên cùng 1 hình vẽ cho ta biết điều gì về từ trường?

A. Chỗ đường sức từ càng mau thì từ trường càng yếu, chỗ càng thưa thì từ trường càng mạnh.

B. Chỗ đường sức từ càng mau thì từ trường càng mạnh, chỗ càng thưa thì từ trường càng yếu.

C. Chỗ đường sức từ càng thưa thì dòng điện đặt ở đó có cường độ càng lớn.

D. Chỗ đường sức từ càng mau thì dây dẫn đặt ở đó càng bị nóng nhiều.

Câu 82. Cho dòng điện chạy qua ống dây. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Từ trường bên trong ống dây yếu hơn từ trường bên ngoài ống dây.

B. Bên trong ống dây có từ trường đều.

C. Từ trường bên trong ống dây mạnh hơn từ trường bên ngoài ống dây.

D. Ống dây tương đương với 1 nam châm thẳng có 2 cực Bắc, Nam.

Câu 83. Yếu tố nào không ảnh hưởng tới lực hút của nam châm điện?

A. Số vòng dây của nam châm.

B. Bản chất của vật liệu làm lõi nam châm.

C. Cường độ dòng điện chạy trong cuộn dây của nam châm điện.

D. Đường kính của dây dẫn dùng cuốn cuộn dây của nam châm điện.

Câu 84. Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Hình dạng đường sức từ bên ngoài của ống dây có dòng điện chạy qua và bên ngoài của thanh nam châm giống hệt nhau.

B. Đường sức từ trong lòng ống dây có dòng điện chạy qua gần như là những đường thẳng song song cách đều nhau. Nghĩa là trong lòng ống dây từ trường gần như là từ trường đều.

C. Qui tắc nắm tay phải dùng xác định chiều của đường sức từ trong lòng của ống dây có dòng điện chạy qua.

D. Hai đầu của ống dây có dòng điện chạy qua cũng là 2 cực từ. Các đường sức từ đi vào từ cực Bắc, đi ra khỏi từ cực Nam của ống dây.

Câu 85. Trong bệnh viện, các bác sĩ phẫu thuật có thể lấy các mảnh sắt nhỏ li ti ra khỏi

mất của bệnh nhân một cách an toàn bằng các dụng cụ sau:

A. Dùng kéo.

B. Dùng kim.

C. Dùng nam châm.

D. Dùng một viên bi còn tốt.

Câu 86. Một nam châm điện là 1 ống dây dẫn. Để tăng tác dụng từ của nam châm khi cho dòng điện đi vào ống dây và khi ngắt dòng điện trong ống dây thì từ tính của nam châm bị mất, ta phải đặt vào trong lòng ống dây 1 lõi kim loại bằng:

A. Thép.

B. Sắt non.

C. Đồng.

D. Nhôm.

Câu 87. Đặt 1 lõi kim loại vào trong lòng 1 ống dây dẫn, rồi cho dòng điện 1 chiều chạy qua ống dây. Để khi ngắt dòng điện rồi lấy ra khỏi ống dây, lõi kim loại này trở thành 1 nam châm vĩnh cửu thì nó phải làm bằng:

A. Thép.

B. Đồng.

C. Nhôm.

D. Sắt non.

Câu 88. (25.6 – BTVL9) Khi đặt 1 lõi sắt non vào trong lòng 1 ống dây dẫn có dòng điện 1 chiều chạy qua thì lõi sắt trở thành 1 nam châm. Hướng Bắc – Nam của nam châm mới được tạo thành so với hướng Bắc – Nam của ống dây thì:

A. Cùng hướng.

B. Ngược hướng.

C. Vuông góc.

D. Tạo thành 1 góc 45^0 .

Câu 89. Một cần cẩu dùng nam châm điện để nâng 1 kiện hàng, làm thế nào để cần cẩu nhả được kiện hàng sau khi đã thả xuống?

A. Hơ nóng nam châm.

B. Ngắt dòng điện qua nam châm.

C. Làm lạnh nam châm.

D. Lắc mạnh cần cẩu.

Câu 90. Điều nào đúng ?

A. Một đoạn dây dẫn có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường và song song với đường sức từ thì có lực điện từ tác dụng lên nó.

B. Một đoạn dây dẫn có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường và cắt các đường sức từ thì có lực điện từ tác dụng lên nó.

C. Một đoạn dây dẫn có dòng điện chạy qua không đặt trong từ trường thì vẫn có lực điện từ tác dụng lên nó.

D. Một đoạn dây dẫn không có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường và cắt các đường sức từ thì có lực điện từ tác dụng lên dây dẫn.

Câu 91. (27.6 – BTVL9) Dùng qui tắc nào dưới đây để xác định chiều của lực điện từ ?

A. Qui tắc nắm tay phải.

B. Qui tắc nắm tay trái.

C. Qui tắc bàn tay phải.

D. Qui tắc bàn tay trái.

Câu 92. (27.7 – BTVL9) Muốn xác định chiều của lực điện từ tác dụng lên 1 đoạn dây dẫn thẳng có dòng điện chạy qua, đặt tại 1 điểm trong từ trường, thì cần phải biết những yếu tố nào ?

A. Chiều của dòng điện trong dây dẫn và chiều dài của dây.

B. Chiều của đường sức từ và cường độ của lực điện từ tại điểm đó.

- C. Chiều của dòng điện và chiều đường sức từ tại điểm đó.
D. Chiều và cường độ của dòng điện, chiều và cường độ của lực điện từ tại điểm đó.

Câu 93. (27.8 – BTVL9) Khi dây dẫn thẳng có dòng điện chạy qua được đặt trong từ trường và song song với các đường sức từ, thì lực điện từ có hướng như thế nào ?

- A. Cùng hướng với dòng điện.
B. Cùng hướng với đường sức từ.
C. Vuông góc với cả dây dẫn và đường sức từ.
D. Không có lực điện từ.

Câu 94. (27.9 – BTVL9) Một khung dây dẫn hình chữ nhật có dòng điện chạy qua được đặt trong từ trường giữa 2 nhánh của nam châm hình chữ U. Khung dây sẽ quay đến vị trí nào thì dừng lại ?

- A. Mặt khung dây song song với các đường sức từ.
B. Mặt khung dây vuông góc với các đường sức từ.
C. Mặt khung dây tạo thành 1 góc 60° với các đường sức từ.
D. Mặt khung dây tạo thành 1 góc 45° với các đường sức từ.

Câu 95. Một khung dây dẫn có dòng điện chạy qua, đặt trong từ trường và mặt khung dây vuông góc với các đường sức từ. Tác dụng của lực điện từ sẽ :

- A. Chỉ làm nén khung dây.
B. Có thể nén hoặc kéo giãn khung dây.
C. Làm cho khung dây quay.
D. Làm cho khung dây chuyển động từ trên xuống dưới.

Câu 96. (28.5 – BTVL9) Động cơ điện 1 chiều quay được do tác dụng của lực nào ?

- A. Lực hấp dẫn.
B. Lực đàn hồi.
C. Lực từ.
D. Lực điện từ.

Câu 97. (28.8 – BTVL9) Muốn cho động cơ điện quay được thì phải cung cấp cho nó năng lượng dưới dạng nào ?

- A. Động năng.
B. Thế năng.
C. Nhiệt năng.
D. Điện năng.

Câu 98. (28.4 – BTVL9) Tìm câu sai ?

- A. Động cơ điện hoạt động dựa vào tác dụng của từ trường lên dòng điện đặt trong từ trường.
B. Nam châm điện hoạt động dựa vào tác dụng từ của dòng điện.
C. Nam châm vĩnh cửu được chế tạo dựa vào khả năng giữ được từ tính lâu dài của thép sau khi bị nhiễm từ.
D. Động cơ điện là động cơ trong đó năng lượng của nhiên liệu bị đốt cháy chuyển thành cơ năng.

Câu 99. Ưu điểm nào dưới đây *không phải* là ưu điểm của động cơ điện ?

- A. Không thải ra ngoài các chất khí hay hơi làm ô nhiễm môi trường xung quanh.
B. Có thể có công suất từ vài oát đến hàng trăm hàng nghìn, chục nghìn ki lô oát
C. Có hiệu suất rất cao, có thể đạt tới 98%
D. Có thể biến đổi trực tiếp năng lượng của nhiên liệu thành cơ năng.

Câu 100. Động cơ điện 1 chiều :

- A. Có hai bộ phận chính là nam châm điện và khung dây dẫn
- B. Hoạt động dựa vào tác dụng từ lên khung dây dẫn có dòng điện.
- C. Biến điện năng thành cơ năng.
- D. Cả 3 câu A,B,C đều đúng.

CÔNG NGHỆ

Câu 1- Nghề điện dân dụng hoạt động trong lĩnh vực sử dụng điện năng phục vụ:

- A. Đời sống
- B. Sinh hoạt
- C. Lao động, sản xuất
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 2- Hãy cho biết đâu là đối tượng lao động của nghề điện dân dụng?

- A. Thiết bị bảo vệ
- B. Thiết bị đóng cắt
- C. Thiết bị lấy điện
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3- Chọn phát biểu sai: đối tượng lao động của nghề điện dân dụng:

- A. Nguồn điện một chiều
- B. Nguồn điện xoay chiều điện áp thấp dưới 380V
- C. Nguồn điện xoay chiều điện áp cao trên 380V
- D. Các loại đồ dùng điện

Câu 4- Những công việc nào thường được tiến hành trong nhà?

- A. Lắp đặt mạng điện, đồ dùng điện
- B. Bảo dưỡng đồ dùng điện
- C. Sửa chữa đồ dùng điện
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5- Người lao động cần đảm bảo mấy yêu cầu của nghề điện dân dụng?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 6- Yêu cầu về sức khỏe của người lao động trong nghề điện dân dụng là:

- A. Không mắc bệnh về tim mạch
- B. Không mắc bệnh về huyết áp
- C. Chỉ cần sức khỏe bình thường
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 7- Nội dung lao động của nghề điện dân dụng là:

- A. Lắp đặt mạng điện sản xuất và sinh hoạt
- B. Lắp đặt thiết bị và đồ dùng điện
- C. Vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa mạng điện, thiết bị và đồ dùng điện.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 8- Chọn phát biểu sai về triển vọng của nghề điện dân dụng?

- A. Luôn cần phát triển để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước
- B. Thợ điện luôn phải cập nhật, nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp
- C. Nghề điện dân dụng không có điều kiện phát triển ở nông thôn và miền núi
- D. Nghề điện dân dụng có nhiều điều kiện phát triển ở thành phố.

Câu 9- Thiết bị đóng cắt gồm:

- A. Công tắc
C. Cầu dao
- Câu 10-** Thiết bị bảo vệ gồm:
A. Áp to mát
C. Cầu dao
- Câu 11-** Thiết bị lấy điện gồm:
A. Ổ điện
C. Cả A và B đều đúng
- Câu 12-** Tên một số đồng hồ đo điện thường dùng trong lắp đặt mạng điện:
A. Am pe kế B. Vôn kế C. Ôm kế D. Cả 3 đáp án trên.
- Câu 13-** Đâu không phải là dụng cụ cơ khí dùng trong lắp đặt mạng điện?
A. Thước cuộn B. Pan me C. Đồng hồ vạn năng D. Búa.
- Câu 14-** Pan me là dụng cụ cơ khí dùng để đo:
A. Chiều dài của dây dẫn điện.
C. Kích thước lỗ luồn dây điện.
- Câu 15-** Đồng hồ vạn năng dùng để:
A. Đo điện áp
C. Đo cường độ dòng điện với giới hạn đo nhỏ.
- Câu 16-** Dụng cụ cơ khí nào để cắt kim loại, ống nhựa?
A. Kìm B. Cưa C. Khoan D. Búa.
- Câu 17-** Vật liệu điện được dùng trong lắp đặt mạng điện gồm:
A. Dây cáp điện
C. Vật liệu cách điện
- Câu 18-** Vật liệu nào được dùng để phân phối điện năng đến đồ dùng điện?
A. Dây cáp điện
C. Cả A và B đều đúng.
- Câu 19-** Dựa vào số sợi của lõi, dây dẫn điện được chia thành những loại nào?
A. Dây lõi một sợi
C. Cả A và B đều đúng
- Câu 20-** Mạng điện trong nhà thường sử dụng loại dây dẫn nào?
A. Dây trần
C. Cả A và B đều đúng
- Câu 21-** Đâu không phải là vật liệu cách điện?
A. Pu li sứ B. Vỏ cầu chì C. Vỏ đui đèn D. Dây đồng.
- Câu 22-** Trong quá trình sử dụng dây dẫn điện cần chú ý những gì?
A. Thường xuyên kiểm tra vỏ cách điện của dây dẫn.
B. Đảm bảo an toàn khi sử dụng dây dẫn điện.
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai.
- Câu 23-** Yêu cầu của vật liệu cách điện là:
A. Độ cách điện cao
C. Chống ẩm tốt và độ bền cơ học cao.
- B. Cầu chì
D. Cả A và C đều đúng.
- B. Cầu chì
D. Cả A và B đều đúng.
- B. Phích điện
D. Cả A và B đều sai.
- B. Đường kính dây dẫn điện.
D. Điện trở dây dẫn điện.
- B. Đo điện trở.
D. Cả 3 đáp án trên.
- B. Dây dẫn điện
D. Cả 3 loại vật liệu trên.
- B. Dây dẫn điện
D. Cả A và B đều sai.
- B. Dây lõi nhiều sợi
D. Cả A và B đều sai.
- B. Dây bọc cách điện
D. Cả A và B đều sai.
- D. Dây đồng.
- B. Chịu nhiệt tốt.
D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 24- Đối với mạng điện trong nhà, dây cáp điện được lắp ở chỗ:
A. từ đường điện phân phối gần nhất đến mạng điện trong nhà.
B. từ đường dây chính đến từng đồ dùng điện.
C. Từ đường điện phân phối gần nhất đến mạng điện trong nhà chỉ cần dùng dây dẫn điện loại to (tiết diện lớn), không cần dùng dây cáp.
D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 25- Chọn câu đúng nhất:

- A. Dây dẫn điện gồm lõi và vỏ cách điện.
- B. Dây cáp điện gồm lõi, vỏ cách điện và vỏ bảo vệ.
- C. Dây dẫn điện ngoài lõi và vỏ cách điện, bao giờ cũng có thêm lớp vỏ bảo vệ.
- D. Cả A và B đúng, C sai.

Câu 26- Mạng điện trong nhà thì dây nào được sử dụng nhiều nhất?

- A. Dây đơn lõi 1 sợi
- B. Dây đôi lõi nhiều sợi.
- C. Dây đơn lõi nhiều sợi
- D. Dây cáp điện.

Câu 27- Đồng hồ vạn năng dùng:

- A. Đo điện áp xoay chiều, một chiều.
- B. Đo điện trở
- C. Ít khi dùng đo cường độ dòng điện.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 28- Công tơ điện dùng để đo:

- A. Công suất của các đồ dùng điện.
- B. Cường độ dòng điện chạy qua các đồ dùng điện.
- C. Điện áp trên các đồ dùng điện.
- D. Điện năng tiêu thụ của các đồ dùng điện.

Câu 29- Đồng hồ dùng để đo điện áp mạch điện là:

- A. Am pe kế
- B. Ôm kế
- C. Oát kế
- D. Vôn kế.

Câu 30- Đo điện áp giữa 2 lỗ của ổ cắm điện trong nhà người ta dùng:

- A. Am pe kế xoay chiều (AC)
- B. Am pe kế 1 chiều (DC)
- C. Vôn kế xoay chiều
- D. Vôn kế 1 chiều

Câu 31: Có mấy loại mối nối dây dẫn điện?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 32: Tên các loại mối nối dây dẫn điện là:

- A. Mối nối thẳng
- B. Mối nối phân nhánh
- C. Mối nối dùng phụ kiện
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 33: Khi thực hiện nối dây dẫn điện, cần thực hiện mấy yêu cầu về mối nối?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 34: Khi thực hiện nối dây dẫn điện, yêu cầu mối nối là:

- A. Dẫn điện tốt
- B. Độ bền cơ học cao
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 35: Chọn đáp án sai khi nói về yêu cầu mối nối:

- A. An toàn điện
- B. Không cần tính thẩm mỹ
- C. Dẫn điện tốt.
- D. Độ bền cơ học cao

Câu 36: Quy trình chung nối dây dẫn điện gồm mấy bước?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 37: Tại sao phải hàn mối nối trước khi bọc cách điện?

- A. Tăng sức bền cơ học cho mối nối
- B. Giúp dẫn điện tốt
- C. Chống gỉ
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 38: Nối dây dẫn lõi một sợi theo đường thẳng gồm mấy bước?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 39: Nối dây dẫn lõi nhiều sợi theo đường thẳng gồm mấy bước?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 40: Trên bảng điện thường lắp những thiết bị nào?

- A. Thiết bị đóng cắt
- B. Thiết bị bảo vệ
- C. Thiết bị lấy điện của mạng điện
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 41: Mạng điện trong nhà thường có mấy loại bảng điện?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 42: Mạng điện trong nhà có các loại bảng điện:

- A. Bảng điện chính
- B. Bảng điện nhánh
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 43: Trên bảng điện nhánh có những phần tử nào?

- A. Cầu chì hoặc aptomat
- B. Ổ cắm
- C. Công tắc
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 44: Trên bảng điện chính có những phần tử nào?

- A. Cầu dao hoặc aptomat tổng
- B. Cầu chì
- C. Công tắc
- D. Cả 2 đáp án A và B đúng.

Câu 45: Chọn đáp án đúng nhất:

- A. Bảng điện chính cung cấp điện cho toàn hệ thống điện trong nhà.
- B. Bảng điện nhánh cung cấp điện tới từng đồ dùng điện.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 46: Chọn câu Sai:

- A. Bảng điện trong mỗi phòng nhà em là bảng điện chính.
- B. Bảng điện trong mỗi phòng nhà em là bảng điện nhánh.
- C. Trên bảng điện nhánh không bao giờ lắp cầu dao.
- D. Trên bảng điện nhánh bao giờ cũng phải lắp cầu chì hoặc aptomat.

Câu 47: Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện bảng điện tiến hành theo mấy bước?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 48: Theo em, phương pháp lắp đặt dây dẫn là:

- A. Lắp đặt nổi
- B. Lắp đặt chìm
- C. Đáp án A hoặc B
- D. Phương pháp khác

Câu 49: Lắp đặt mạch bảng điện tiến hành theo mấy bước?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 50: Kiểm tra bảng điện theo yêu cầu nào?

- A. Lắp đặt thiết bị và đi dây theo đúng sơ đồ mạch điện

- B. Các mối nối chắc chắn
- C. Bố trí thiết bị gọn, đẹp
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 51: Khi lắp mạch điện đèn ống huỳnh quang cần:

- A. Vẽ sơ đồ lắp đặt
- B. Lập bảng dự trù vật liệu thiết bị và lựa chọn dụng cụ.
- C. Lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 52: Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt cần:

- A. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lý mạch điện đèn ống huỳnh quang
- B. Lựa chọn dụng cụ
- C. Lập bảng dự trù vật liệu
- D. Đáp án khác

Câu 53: Bộ đèn ống huỳnh quang gồm:

- A. Tắc te
- B. Chấn lưu
- C. Đèn
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 54: Lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang gồm mấy bước?

- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 55: Bước nào sau đây thuộc quy trình lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang?

- A. Vạch dấu
- B. Nối dây bộ đèn
- C. Kiểm tra
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 56: Chọn phát biểu sai: Bước nào sau đây thuộc quy trình lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang?

- A. Khoan lỗ
- B. Lắp thiết bị điện của bảng điện
- C. Nối dây bộ đèn
- D. Đáp án khác

Câu 57: “Nối dây bộ đèn ống huỳnh quang” thuộc bước thứ mấy?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 58: Những việc cần làm của bước “Vạch dấu” là:

- A. Vạch dấu vị trí lắp đặt các thiết bị điện
- B. Vạch dấu đường đi dây và vị trí lắp đặt bộ đèn ống huỳnh quang
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 59: Kiểm tra sản phẩm (mạch điện mới lắp) cần đạt tiêu chuẩn nào?

- A. Lắp đặt theo đúng sơ đồ
- B. Chắc chắn
- C. Mạch điện đảm bảo thông mạch
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 60: Chọn câu đúng:

- A. Ngày nay đèn ống huỳnh quang đã bị loại bỏ.
- B. Ngày nay đèn sợi đốt đã bị loại bỏ.
- C. Ngày nay người ta chỉ còn dùng đèn LED để thấp sáng.
- D. Ngày nay người ta vẫn dùng đồng thời 3 loại đèn trên vì mỗi loại đều có ưu và nhược điểm.

MÔN HÓA HỌC

- Tính chất hóa học của oxit axit, oxit ba zơ
- Tính chất hóa học của ba zơ
- Tính chất hóa học của axit
- Tính chất hóa học của muối
- Tính chất hóa học của kim loại : sắt nhôm

I. TRẮC NGHIỆM

D. Zn, K, Mg, Cu, Al, Fe

Zn

D. CO_2

 CaO

D. dd

$$\text{H}_2\text{SO}_4$$

D. MgO

10. Dùng thuốc thử nào có thể phân biệt được các chất rắn sau: MgO , P_2O_5 , $Ba(OH)_2$, Na_2SO_4

A. Nước, giấy quỳ tím không màu

B. Axit sunfuric loãng, phenolphthalein

C. Dung dịch $NaOH$, giấy quỳ tím

D. Tất cả đều sai

11. Nhỏ từ từ dung dịch $NaOH$ vào dung dịch $CuCl_2$ đến khi kết tủa không tạo thêm được nữa thì dừng. Lọc lấy kết tủa đem nung thì chất rắn thu được là:

A. Cu

B. Cu_2O

C. CuO

D. CuO_2

12. Dãy gồm các chất đều là bazơ tan là:

A. $Ca(OH)_2$, $Mg(OH)_2$, $Cu(OH)_2$

B. $Ba(OH)_2$,

$Fe(OH)_3$, $NaOH$

C. $NaOH$, KOH , $Ba(OH)_2$

D. $NaOH$, KOH ,

$Al(OH)_3$

13. Cho từ từ dd $NaOH$ vào dd $FeCl_3$, lọc lấy kết tủa nung đến khối lượng không đổi, chất rắn thu được là:

A. $Fe(OH)_2$

B. Fe_2O_3

C. FeO

D.

Fe_3O_4

14. Nhỏ dung dịch $NaOH$ vào ống nghiệm có sẵn dd $CuSO_4$. Hiện tượng xuất hiện là

A. Chất rắn màu trắng

B. Chất khí màu xanh

C. Chất khí màu nâu

D.

Chất rắn màu xanh

15. Cho các cặp chất sau, cặp chất nào phản ứng được với nhau

A. K_2SO_4 , $NaOH$

B. K_2SO_4 và $BaCl_2$

C. $AgCl$ và HCl

D. A & B đều

đúng

16. . Dãy gồm các muối không tan trong nước là:

A. $CaSO_4$, $CuCl_2$, $BaSO_4$

B. $AgNO_3$, $BaCl_2$, $CaCO_3$

C. Na_2SO_4 , $Ca_3(PO_4)_2$, $CaCl_2$

D. $AgCl$, $BaCO_3$, $BaSO_4$

17. Nhỏ dung dịch $NaOH$ vào ống nghiệm có sẵn dd $BaCl_2$. Hiện tượng xuất hiện là

A. Chất rắn màu trắng

B. Không hiện tượng gì

C. Chất khí màu nâu

D. Chất

rắn màu xanh

18. Axit sunfuric đặc, dư tác dụng với 10 gam hỗn hợp CuO và Cu thì thu được 2,24 lít khí (đktc). Khối lượng (gam) của CuO và Cu trong hỗn hợp lần lượt là:

A. 3,6 và 6,4

B. 6,8 và 3,2

C. 0,4 và 9,6

D.

4,0 và 6,0

19. Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng là:

A. Fe , Cu , Mg

B. Zn , Fe , Cu

C. Zn , Fe , Al

D.

Fe , Zn , Ag

20. Đồng kim loại có thể phản ứng được với:

A. Dung dịch HCl

B. Dung dịch H_2SO_4 loãng

C. H_2SO_4 đặc, nóng

D. Dung

dịch $NaOH$

21.

22. Cho lá kẽm có khối lượng 50 g vào dung dịch đồng sunfat. Sau một thời gian phản ứng kết thúc thì khối lượng lá kẽm là 49,82 g. Khối lượng kẽm đã tác dụng là:
 A. 17,55g B. 5,85g C. 11,7g D. 11,5g
23. Cho một lá sắt có khối lượng 50 gam vào dung dịch đồng sunfat. Sau một thời gian, nhấc lá sắt ra thì khối lượng lá sắt là 51g. Số mol muối sắt tạo thành là:
 A. 0,25 mol B. 0,1875 mol C. 0,15 mol D. 0,125 mol
24. Cho 2,24 lít khí CO_2 (ở đktc) tác dụng vừa đủ với 100 ml dung dịch KOH tạo thành muối K_2CO_3 . Nồng độ mol/l của dung dịch KOH là:
 A. 1,5 M B. 2M C. 1M D. 3M
25. Cho 2,24 lít khí CO_2 (đktc) tác dụng vừa đủ với 200ml dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ sinh ra chất kết tủa màu trắng. Nồng độ mol/l của dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ đã dùng là:
 A. 0,25M B. 0,7M C. 0,45M D. 0,5M
26. Người ta có thể dát mỏng được nhôm thành thìa, xoong, chậu, giấy gói bánh kẹo là do nhôm có tính :
 A. Dẻo B. Dẫn điện . C . Dẫn nhiệt . D . Ánh kim
27. Thả một mảnh nhôm vào ống nghiệm chứa dung dịch CuSO_4 . Xảy ra hiện tượng:
 A. Không có dấu hiệu phản ứng.
 B. Có chất rắn màu trắng bám ngoài lá nhôm, màu xanh của dung dịch CuSO_4 nhạt dần.
 C. Có chất rắn màu đỏ bám ngoài lá nhôm, màu xanh của dung dịch CuSO_4 nhạt dần.
 D. Có chất khí bay ra, dung dịch không đổi màu
28. Có một mẫu dung dịch MgSO_4 bị lẫn tạp chất là ZnSO_4 , có thể làm sạch mẫu dung dịch này bằng kim loại
 A. Zn B. Mg C. Fe D. Cu
29. Cho dây sắt quấn hình lò xo (đã được nung nóng đỏ) vào lọ đựng khí clo. Hiện tượng xảy ra là:
 A. Sắt cháy tạo thành khói trắng dày đặc bám vào thành bình.
 B. Không thấy hiện tượng phản ứng
 C. Sắt cháy sáng tạo thành khói màu nâu đỏ
 D. Sắt cháy sáng tạo thành khói màu đen
30. Gang là hợp kim của sắt với cacbon và một lượng nhỏ các nguyên tố khác như: Si, Mn, S,... trong đó hàm lượng cacbon chiếm:
 A. Từ 2% đến 6% B. Dưới 2% C. Từ 2% đến 5% D. Trên 6%
31. Hoà tan 16,8g kim loại hoá trị II vào dung dịch HCl dư, sau phản ứng thu được 6,72 lít khí H_2 (đktc). Kim loại đem hoà tan là:
 A. Mg B. Zn C. Pb D. Fe
32. Dãy các bazơ bị phân hủy ở nhiệt độ cao:
 A. $\text{Ca}(\text{OH})_2$, NaOH, $\text{Zn}(\text{OH})_2$, $\text{Fe}(\text{OH})_3$
 B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$, NaOH, $\text{Ca}(\text{OH})_2$, $\text{Mg}(\text{OH})_2$

C. $\text{Cu}(\text{OH})_2$, $\text{Mg}(\text{OH})_2$, $\text{Fe}(\text{OH})_3$, $\text{Zn}(\text{OH})_2$
NaOH

D. $\text{Zn}(\text{OH})_2$, $\text{Ca}(\text{OH})_2$, KOH,
33. Để hòa tan hoàn toàn 3,6g FeO cần bao nhiêu gam dung dịch axit clohidric 10%?
A. 1,825g B. 3,65g C. 18,25g D. 36,5g

MÔN SINH HỌC

- Câu 1. Nêu khái niệm di truyền, một số kí hiệu trong phép lai.
Câu 2. Bài tập tính số giao tử, số kiểu gen, kiểu hình của phép lai. Viết kiểu gen của, kiểu giao tử của P.
Câu 3. Tính đặc trưng của bộ nhiễm sắc thể? Phân biệt nhiễm sắc thể thường và NST giới tính.
Câu 4. Nêu ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân và thụ tinh. Khái niệm và bản chất của thụ tinh.
Câu 5. Bài tập tính số tế bào con tạo ra sau nguyên phân, giảm phân. Xác định các kì của phân bào thông qua hình ảnh hoặc diễn biến.
Câu 6. Nếu cấu tạo và cấu trúc của phân tử ADN, ARN, Protein.
Câu 7. Diễn biến và các nguyên tắc tổng hợp ADN, ARN, Protein.
Câu 8. Bài tập mối liên quan giữa số tổng số nucleotit, chiều dài, chu kì xoắn.

Ghi chú: Các con làm đề cương ôn tập theo sự hướng dẫn của các thầy cô. Sau đó các thầy cô chấm, chữa. Các con ôn tập kĩ các nội dung đã được ôn tập. Chúc các con làm bài kiểm tra cuối kì I thật tốt và sẵn sàng tâm thế bước vào học kì II năm học 2021 – 2022, chiến thắng mọi khó khăn do dịch bệnh Covid 19 gây ra.



Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổ trưởng tổ KHTN

Nguyễn Thu Huyền